



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 10 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm:	Phòng Quản lý Chất lượng
Laboratory:	Quality management department
Tổ chức/Cơ quan chủ quản:	Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản
Organization:	Vissan Joint Stock Company
Số hiệu/ Code:	VILAS 150
Chuẩn mực công nhận Accreditation criteria	ISO/IEC 17025:2017
Lĩnh vực Field	Hóa, Sinh Chemical, Biological
Người quản lý Laboratory manager	Nguyễn Thị Thanh Tuyền Nguyen Thi Thanh Tuyen
Hiệu lực công nhận/ Period of Validation:	Kể từ ngày /10/2025 đến ngày 13/11/2030
Địa chỉ / Address:	420 Nơ Trang Long, phường Bình Lợi Trung, Thành phố Hồ Chí Minh 420 No Trang Long Street, Binh Loi Trung Ward, Ho Chi Minh city
Địa điểm / Location:	420 Nơ Trang Long, phường Bình Lợi Trung, Thành phố Hồ Chí Minh 420 No Trang Long Street, Binh Loi Trung Ward, Ho Chi Minh city
Điện thoại/ Tel:	(84 28) 3553 3999 – 3553 3888
E-mail:	visinhvissan@gmail.com
Website	

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 150

Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh

Field of testing: Biological

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Thực phẩm <i>Foods</i>	Định lượng <i>Bacillus cereus</i> Phương pháp sử dụng đĩa đếm Compact Dry <i>Enumeration of Bacillus cereus using Compact Dry count plate</i>		MicroVal 2019LR87- 2024 - AOAC 092201- 2023
2.		Định lượng <i>Enterobacteriaceae</i> Kỹ thuật sử dụng đĩa đếm Petrifilm™ <i>Enumeration of Enterobacteriaceae Petrifilm™ count plate technique</i>		TCVN 9980:2013
3.		Định lượng nhanh nấm men và nấm mốc Kỹ thuật đếm khuẩn lạc (sử dụng thạch Symphony) <i>Enumeration of yeasts and molds Colony-count technique (using Symphony agar)</i>		TCVN 13369:2021
4.		Định lượng vi sinh vật Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30°C <i>Enumeration of microorganisms Colony count technique at 30°C</i>		TCVN 4884-1:2015
5.		Định lượng Coliforms Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất <i>Enumeration of Coliforms Most probable number technique</i>		TCVN 4882 : 2007
6.		Định lượng <i>Escherichia coli</i> Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất <i>Enumeration of Escherichia coli Most probable number technique</i>		TCVN 6846 : 2007

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 150

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
7.	Thực phẩm <i>Foods</i>	Định lượng <i>Coliforms</i> và <i>Escherichia coli</i> Kỹ thuật sử dụng đĩa đếm Petrifilm™ Enumeration of <i>coliforms</i> and <i>Escherichia coli</i> Petrifilm™ count plate technique		TCVN 9975 : 2013 (AOAC 991.14)
8.		Định lượng <i>Escherichia coli</i> dương tính β -glucuronidaza Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44°C sử dụng 5- bromo-4-clo-3-indolyl β -d-glucuronid <i>Enumeration of β-glucuronidase-positive Escherichia coli</i> <i>Colony-count technique at 44 °C using 5- bromo-4-chloro-3-indolyl β-Dglucuronide</i>		TCVN 7924-2:2008
9.		Định lượng Staphylococci có phản ứng dương tính coagulase (<i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác) trên đĩa thạch Kỹ thuật cấy trang <i>Enumeration of coagulase-positive Staphylococci (Staphylococcus aureus and other species)</i> <i>Spread plate technique</i>		TCVN 4830-1 : 2005
10.		Phát hiện <i>Salmonella spp.</i> <i>Detection of Salmonella spp.</i>	eLOD ₅₀ = 3.25 CFU/25g (mL)	TCVN 10780-1: 2017
11.		Phát hiện nhanh <i>Salmonella spp.</i> (sử dụng thạch IRIS <i>Salmonella</i>) <i>Rapid detection of Salmonella spp. using IRIS Salmonella agar</i>	eLOD ₅₀ = 3.00 CFU/25g (mL)	TCVN 13370:2021

Ghi chú / Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnamese National Standard*;
- AOAC: Hiệp hội các nhà hóa học/ *Association of Official Analytical Chemists*.

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 150

Lĩnh vực thử nghiệm: Hoá

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Thịt và sản phẩm thịt <i>Meat and meat products</i>	Xác định độ ẩm Phương pháp chuẩn <i>Determination Moisture content Reference method</i>	0,02 %	TCVN 8135:2009
2.		Xác định pH <i>Determination of pH value</i>	2 ~ 12	TCVN 10035:2013
3.		Xác định hàm lượng Nitơ amoniac (NH3) Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of Nitrogen ammonia (NH3) content Titration method</i>	5mg/100g	QA.GC 01.03 (2023) (Ref. TCVN 3706: 1990)
4.		Xác định hàm lượng muối (NaCl) Phương pháp chuẩn độ <i>Determination of Sodium chloride (NaCl) content Titration method</i>	0,06 %	QA. GC 01.04 (2023) (Ref. TCVN 8148: 2009)
5.		Định tính Hydrosunfua (H2S) <i>Qualitative of Hydrogen sulfide (H2S)</i>	LOD: 0.05 mg/kg (100%) 0.15 mg/kg	TCVN 3699:1990
6.		Xác định hoạt độ nước <i>Determination of water activity</i>	đến/to: 1 aw	TCVN 12758:2019
7.		Định tính Borat <i>Qualitative of Borax</i>	LOD: 50 mg/kg (100%) 150 mg/kg	AOAC 970.33
8.		Xác định khối lượng tịnh và tỷ lệ khối lượng ráo sản phẩm đóng hộp. Phương pháp trọng lượng <i>Determination of the net weight and dry weight ratio of canned products. Gravimetric method</i>	-	TCVN 4411:1987

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 150**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
9.	Lạp xưởng, Chà bông <i>Chineses sausages, Pork floss</i>	Xác định Độ ẩm. Phương pháp trọng lượng <i>Determination of Moisture content. Gravimetric method</i>	(0,01 ~ 85) (%)	QA. GC 01.08 (2023) (Ref. AM AND MX 50)

Ghi chú / Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnamese National Standard*;
- AOAC: Hiệp hội các nhà hóa học/ *Association of Official Analytical Chemists*.
- QA. GC...: Phương pháp do phòng thí nghiệm xây dựng/ *Laboratory developed method*

Trường hợp Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *If It is mandatory for the Vissan Joint Stock Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

